TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-03-2023
V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vào 2002 chị và anh Lâm Văn N xác lập hôn nhân và có đi đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lâm Thị

Trúc P, sinh ngày 21/8/2003 hiện đã thành niên, Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do anh N thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị rất nhiều lần và anh N còn có bạn gái bên ngoài. Vì thương chồng con nên chị cố chịu đựng và khuyên anh N rất nhiều lần nhưng anh N vẫn không sửa đổi, đến nay mâu thuẩn giữa chị và anh N đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên không thể hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn N.

- Về nuôi con: Đối với con tên Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 21/8/2003 hiện đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con tên Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2022 chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con tên Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; quá trình giải quyết vụ án chị T rút toàn bộ yêu cầu này, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai bị đơn anh Lâm Văn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung. Trong quá trình chung sống anh N cho rằng vợ chồng cũng có cự cãi với nhau nhưng mâu thuẩn vợ chồng không lớn nên việc chị T yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 21/8/2003 (hiện đã thành niên), Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì theo nguyện vọng của các con sống với cha hoặc mẹ thì người đó nuôi và không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh N không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Đoàn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn N; Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lâm Văn N dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung tên Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 21/8/2003 hiện đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Đối với con tên Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013, đề nghị giao cho chị T nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị Đoàn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T làm đơn khởi kiện anh N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, chị xin được quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lâm Văn N là bị đơn, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Lâm Văn N vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lâm Văn N.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Lâm Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình với chị rất nhiều lần và anh N còn có bạn gái bên ngoài. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn không sửa đổi, đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Anh N cho rằng có mâu thuẫn dẫn đến cải vả nhưng mâu thuẫn không lớn nên anh không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương cũng đã xác thực về việc mâu thuẫn và hành vi bạo lực gia đình như chị T trình bày. Hiện tại anh N không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Trong khi chị T

xác định không còn tình cảm với anh N và cương quyết xin ly hôn, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

- *Về con chung:* Chị T và anh N đều thống nhất có 03 con chung tên Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 21/8/2003 hiện đã thành niên và Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008, Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013. Xét thấy cháu Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và cháu Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013 đang trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ. Bản thân cháu Nam và cháu Cẩm T có nguyện vọng được ở cùng mẹ và anh N cũng thống nhất theo nguyện vọng của các con, xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu Nam và cháu Cẩm T có cuộc sống ổn định phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị T được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Đoàn Thị T và anh Lâm Văn N không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đoàn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147, 227; 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn N.

- Về nuôi con chung: Chị Đoàn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lâm Hoài N, sinh ngày 20/10/2008 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 24/4/2013 khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị T không yêu cầu anh Lâm Văn N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Đoàn Thị T và anh Lâm Văn N không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013152, ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Đoàn Thị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trần Ngọc Hùng Anh